



BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC ĐƠN TIỀN CHỢ

Ngày 12 tháng 10 năm 2026

1/ THỰC ĐƠN : MẪU GIÁO - NHÀ TRẺ

+ **Bữa sáng:** Suop tôm rong biển nấu cà rốt

+ **Bữa trưa:**

- Món mặn: Cá thu chiên sốt cà
- Món canh: Bí đỏ thịt nạc đậu phụng
- Món xào: Su su xào
- Phụ trưa: Sữa chua Probi (nhà trẻ)

+ **Bữa chiều:**

- Ăn xế: Cháo vịt đậu xanh

2/ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Định mức chi tiền ăn trong ngày		Số suất ăn trong ngày		Thực chi	Chênh lệch cuối ngày (thừa/ thiếu)
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Thực phẩm	
- Ăn sáng: (10.000đ/ cháu/ ngày)	4,330,000	115	318	3,804,900	525,100
- Ăn chính, ăn xế: (26.000đ/ cháu/ ngày)	11,258,000	115	318	11,783,100	(525,100)
Tổng tiền chợ:	15,588,000			15,588,000	-
Tổng số học sinh đi học:	433				
XUẤT KHO : Sữa bột DD Ellac Family	16.71				
+ Sữa sáng: (5.000đ/ cháu/buổi)	7.60				
+ Sữa chiều: (6.000đ/cháu/buổi)	9.12				

3/ Chi tiết thực đơn tiền ăn trong ngày:

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đ)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	Ăn sáng				3,804,900	
1	Tôm loại 1	kg	11.00	230,000	2,530,000	
2	Trứng gà (quả)	Quả	40.00	3,600	144,000	
3	Gừng to	kg	0.30	88,000	26,400	
4	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
5	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
6	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
7	Rong biển khô	kg	0.50	500,000	250,000	
8	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	0.50	82,000	41,000	
9	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	0.50	43,000	21,500	
10	Hành tỏi	kg	0.50	60,000	30,000	
11	Bột năng Vĩnh Thuận 400gr (5 gói/xách, 20 gói/bao)	Gói	7.00	19,000	133,000	
12	Cà rốt Hà Nội sơ chế	kg	4.00	32,000	128,000	
13	Bắp hạt tươi	kg	7.00	65,000	455,000	
II	Ăn chính + phụ				11,783,100	
1	Nếp thơm (nếp hương)	kg	3.00	32,000	96,000	

2	Điêu hạt	kg	0.20	215,000	43,000	
3	Cà chua	kg	7.00	42,000	294,000	
4	Hành tây	kg	2.00	25,000	50,000	
5	Chanh quê xanh	kg	1.10	38,000	41,800	
6	Cá thu trắng không đầu y	kg	23.50	270,000	6,345,000	
7	Đậu phụng sống	kg	1.00	60,000	60,000	
8	Dầu hào Maggi 350gr (24 chai/thùng, 12chai /thùngk)	Chai	3.00	32,000	96,000	
9	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
10	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
11	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
12	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	2.50	82,000	205,000	
13	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	1.50	43,000	64,500	
14	Hành tỏi	kg	0.50	60,000	30,000	
15	Thịt nạc vai	kg	3.50	140,000	490,000	
16	Đậu xanh không vỏ (Đậu xanh XK)	kg	3.00	56,000	168,000	
17	Đường vàng An Khê (1kg/gói; 20 gói/bao)	Gói	1.00	39,000	39,000	
18	Thịt vịt làm sạch không lòng	kg	17.00	110,000	1,870,000	
19	Sữa chua uống Probi 65ml (50 hộp/thùng)	Hộp	116.00	6,300	730,800	
20	Hành lá	kg	0.52	50,000	26,000	
21	Su trái sơ chế	kg	8.00	25,000	200,000	
22	Bí đỏ hồ lô sơ chế	kg	9.00	35,000	315,000	
23	Muối sống (hạt) (50kg/bao)	kg	1.00	6,000	6,000	
24	Gạo bồ câu (cỏ may)	kg	27.00	21,000	567,000	
TỔNG CỘNG					15,588,000	

Bằng chữ: Mười lăm triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng./.